

là răng hàm sữa thứ hai hàm dưới.

- **Chỉ số sâu – mất – trám.** Kết quả bảng 3.1 chỉ ra rằng, chỉ số sâu – mất – trám răng hàm sữa của học sinh lớp 1 là 5,71. Như vậy, trẻ lớp 1 có trung bình gần 6 răng bị sâu và ở trẻ nữ nhiều hơn trẻ nam. Sự khác biệt theo tuổi và giới không có ý nghĩa thống kê.

Tuy nhiên, điều đáng chú ý là, trong tổng số các răng bị tổn thương chỉ có 12,78% được trám không sâu tái phát, còn lại 84,76% không được điều trị. Điều đó chỉ ra một thực tế rằng sâu răng ở trẻ em vẫn chưa được cộng đồng quan tâm đúng mức. Đó cũng chính là một lý do góp phần làm cho tình trạng sâu răng ở trẻ nhỏ trở nên phức tạp và khó điều trị hơn.

V. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu 80 trẻ học sinh lớp 1 tại trường Tiểu học xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái chúng tôi thấy rằng tỷ lệ sâu răng hàm sữa vẫn chiếm tỷ lệ cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Pitts, Zero DT, Marsh et al** (2017), Dental Caries, Nat Rev Dis Primers, p.3: 1e16.
2. **WHO** (1997), Oral health surveys: basic methods,

WHO Geneva, 4th ed.

3. **N J Kassebaum, E Bernabé, M Dahiya** (2015), Global burden of untreated caries: a systematic review and meta regression, J. Dent Res, 94(5);650-8.
4. **Trịnh Đình Hải, Nguyễn Thị Hồng Minh** (2019), Tình trạng sâu răng sữa ở trẻ em Việt Nam năm 2019, Tạp chí Y học dự phòng, 30(1), 123 – 129.
5. **Nguyễn Thị Luyện, Nguyễn Thùy Linh** (2021), Răng trẻ em, Tài liệu giảng dạy trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.
6. **Tổng cục thống kê** (2011), Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ.
7. **Lê Thị Bích Tiến** (2013), Nhận xét thực trạng bệnh sâu răng hàm sữa và mối liên quan giữa chăm sóc răng miệng với tỷ lệ sâu răng của học sinh 7 - 8 tuổi tại trường tiểu học Thạch Đà A, huyện Mê Linh, Hà Nội năm 2013, Khóa luận tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa, trường đại học Y Hà Nội.
8. **Trịnh Hải Anh** (2019), Sâu răng trẻ em vùng núi phía Bắc Việt Nam hai thập kỷ qua 1999-2019, Tạp chí Y học Việt Nam, 2, 245-248.
9. **Trần Đức Trinh, Nguyễn Thanh Bình** (2024), Khảo sát tình trạng sâu răng ở học sinh 6 tuổi tại thành phố Yên Bái, Tạp chí Y học Việt Nam, tập 537, tháng 4/số 1B/2024.
10. **Nguyễn Hà Thu, Trần Thị Mỹ Hạnh** (2021), Thực trạng sâu răng sữa trên trẻ 4-6 tuổi tại một số trường mầm non ở Hà Nội, Tạp chí Y học Việt Nam, tập 504(số 2) T7/2021, 76-79.

KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH CẤP CỨU HỒI SINH TIM PHỔI CƠ BẢN CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH NĂM 2024

Phan Hoàng Trọng¹, Bùi Thị Ngọc¹,
Nguyễn Thị Yên¹, Hà Thị Như Xuân²

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Hồi sinh tim phổi cơ bản (Basic Life Support - BLS) có tầm quan trọng rất lớn trong cấp cứu và cứu sống người bệnh. Các nghiên cứu cho thấy, nếu được cấp cứu ngay lập tức bằng BLS, tỷ lệ sống sót sau ngừng tim ngoài bệnh viện có thể tăng lên đáng kể, từ 10% lên đến 40-50%. **Mục tiêu:** Xác định kiến thức, thực hành cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản của sinh viên Điều dưỡng tại trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2024. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang trên 226 sinh viên Sinh viên khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học năm 2020, 2021, 2022 thuộc các chuyên ngành Điều dưỡng Đa khoa (ĐDDK), Cử nhân Phục hồi chức năng

(PHCN), Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh (HS) và Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê Hồi sức (GMHS) và Cấp cứu ngoài Bệnh viện (CCNBV) hệ chính quy tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. **Kết quả:** Trong 226 sinh viên Điều dưỡng được khảo sát kiến thức, có 164 sinh viên tốt (chiếm 72,6%), 62 sinh viên không tốt (chiếm 27,4%); Về thực hành tốt có 149 sinh viên (chiếm 65,9%), sinh viên có kết quả thực hành chưa tốt là 77 sinh viên (chiếm 34,1%). Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sinh viên năm 4 có kiến thức hồi sinh tim phổi cao hơn sinh viên năm 3 và năm 2 có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. **Kết luận:** Kiến thức và thực hành cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản của sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2024 ở tốt khá cao, nhưng nhà trường cũng cần đẩy mạnh triển khai các hoạt động hỗ trợ nhằm nâng cao kỹ năng cấp cứu hồi sinh tim phổi cho sinh viên. **Từ khóa:** Hồi sinh tim phổi, Sinh viên Điều dưỡng.

SUMMARY

KNOWLEDGE AND PRACTICE OF BASIC CARDIOVASCULAR RESUSCITATION OF

¹Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

²Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Hà Thị Như Xuân

Email: xuanha@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 7.3.2025

Ngày phản biện khoa học: 14.4.2025

Ngày duyệt bài: 9.5.2025

NURSING STUDENTS AT PHAM NGOC THACH UNIVERSITY OF MEDICINE IN 2024

Introduction: Basic Life Support (BLS) is of great importance in providing first aid and saving patients' lives. Studies show that, if treated immediately with BLS, the survival rate after out-of-hospital cardiac arrest can increase significantly, from 10% to 40-50%. **Objective:** Determine the practical knowledge of basic cardiopulmonary resuscitation of Nursing students at Pham Ngoc Thach University of Medicine in 2024. **Objects and methods:** Cross-sectional study on 226 students of the Faculty of Nursing - Medical Technology in 2020, 2021, 2022 with the majors of General Nursing (DDDK), Bachelor of Rehabilitation (PHCN), Bachelor of Nursing Nursing specialized in Midwifery (HS) and Nursing specialized in Anesthesia and Resuscitation (GMHS) and Emergency Medicine outside the hospital (CCNBV) full-time system at Pham Ngoc Thach University of Medicine. **Result:** Of the 226 Nursing students whose theory was surveyed, 62 students were not good (accounting for 27.4%); 164 good nurses, accounting for 72.6%. Regarding good practice, there are 149 students (accounting for 65.9%). Students with poor practice results are 77 students (accounting for 34.1%). Research results show that the percentage of 4th year students with cardiopulmonary resuscitation knowledge is higher than 3rd and 2nd year students, statistically significant with $p < 0.05$. **Conclusion:** The knowledge and practice of basic cardiopulmonary resuscitation of Nursing students at Pham Ngoc Thach University of Medicine in 2024 is quite high, but the school also needs to promote the implementation of supplementary activities to improve Cardiopulmonary resuscitation skills for students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngừng tuần hoàn là hiện tượng ngừng đột ngột sự chảy máu từ tim đến các cơ quan khác trong cơ thể. Trong điều kiện nhanh nhất có thể cần cung cấp được máu cùng với oxy đến cho tế bào não, nhất là trong vòng 5 phút đầu kể từ lúc ngừng tim.¹ Hồi sinh tim phổi là một quy trình cấp cứu được thực hiện để phục hồi sự hoạt động của tim và phổi khi một người bị ngừng tim hoặc ngừng thở. Theo một nghiên cứu cho thấy khả năng cứu sống người bệnh sau khi ngừng tim có thể giảm xuống 7-10% nếu cứ mỗi phút người bị ngừng tim không được hồi sinh tim phổi.²

Vì thế CPR được xem là một thủ thuật quan trọng có thể cứu sống được người bị ngừng hô hấp - tuần hoàn cho đến khi có phương tiện hỗ trợ đến để giúp người bệnh hồi phục một cách hoàn toàn. Do đó việc đào tạo kiến thức và thực hành cho nhân viên y tế về CPR rất quan trọng.

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch cũng đưa vào chương trình đào tạo của mình bài cấp cứu ngừng tuần hoàn và kỹ năng thực hành hồi sức tim phổi cho sinh viên Điều dưỡng. Tuy nhiên, hiện nay chưa có nghiên cứu nào đánh

giá cụ thể kiến thức và thực hành của sinh viên Điều dưỡng tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch đang ở mức độ nào?

Vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu "Kiến thức và thực hành cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản của sinh viên Điều dưỡng tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch". **Mục tiêu nghiên cứu:**

1. Xác định tỷ lệ sinh viên Điều dưỡng có kiến thức tốt, thực hành tốt về cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản tại trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2024.

2. Xác định mối liên quan giữa kiến thức và thực hành về cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản của sinh viên Điều dưỡng tại trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2024.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả

2.2. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học năm 2020, 2021, 2022 thuộc các chuyên ngành Điều dưỡng Đa khoa (ĐDDK), Cử nhân Phục hồi chức năng (PHCN), Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh (HS) và Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê Hồi sức (GMHS) và Cấp cứu ngoài Bệnh viện (CCNBV) hệ chính quy tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

2.3. Thời gian nghiên cứu: 2/2024 đến 4/2024.

2.4. Phương pháp chọn mẫu:

Tiêu chuẩn chọn: Sinh viên khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học năm 2022, 2021, 2020 thuộc các chuyên ngành Điều dưỡng Đa khoa (ĐDDK), Cử nhân Phục hồi chức năng (PHCN), Cử nhân Hộ sinh (HS) và Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê Hồi sức (GMHS) và Cấp cứu ngoài Bệnh viện (CCNBV) hệ chính quy tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch tự nguyện tham gia khảo sát.

Tiêu chuẩn loại trừ: Những BCH không được hoàn thành đầy đủ, sinh viên vắng mặt tại thời điểm diễn ra khảo sát.

2.5. Cỡ mẫu nghiên cứu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỉ lệ

$$n \geq \frac{Z_{1-\alpha/2}^2(1-p)p}{d^2}$$

Với $p = 0,841$, $Z = 1,96$, sai số $d = 0,05$ cho kết quả 226.

2.6. Công cụ thu thập số liệu: Đối tượng nghiên cứu sẽ trả lời câu hỏi bằng cách tự điền vào bộ câu hỏi khảo sát và thực hành trên mô hình.

- Bộ câu hỏi kiến thức cấp cứu ngừng tuần hoàn được lấy từ nghiên cứu của tác giả Đào Thị Thanh Tuyền: Đánh giá thực trạng cấp cứu hồi

sinh tim phổi của Điều dưỡng tại Bệnh viện Quốc gia Lê Hữu Trác.³

- Bảng kiểm về cấp cứu ban đầu ngừng tuần hoàn được lấy theo phiên bản cập nhật và cải biên dựa theo tiêu chuẩn của AHA năm 2020.⁴

2.7. Phương pháp phân tích số liệu: Dữ liệu thống kê phân tích bằng phần mềm SPSS 16.0. Kiến thức và thực hành của sinh viên Điều dưỡng được thống kê bằng tần số và tỷ lệ, phân tích các yếu tố ảnh hưởng sử dụng kiểm định t cho từng cặp độc lập.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu. Số lượng sinh viên các năm, năm 2 có 93 sinh viên (chiếm 41,2%), sinh viên năm thứ 3 có 62 sinh viên (chiếm 27,4%), sinh viên năm thứ 4 có 71 sinh viên (chiếm 31,4%). Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu là nam tham gia nghiên cứu chiếm 10,2%, của nữ là 89,8%. Đối tượng tham gia nghiên cứu thuộc các chuyên ngành lần lượt là ĐD GMHS, ĐD HS, ĐDĐK, ĐD PHCN, ĐD CCNBV chiếm tỉ lệ lần lượt là 18,6%, 12,8%, 48,2%, 11,9%, 8,4%. Đối tượng tham gia nghiên cứu có học lực từ giỏi, khá, trung bình, yếu chiếm tỷ lệ lần lượt là 18,1%, 79,6%, 2,2%, 0%. Sinh viên có kinh nghiệm cấp cứu hồi sinh tim phổi thực tế là 56 sinh viên (chiếm 24,8%), sinh viên chưa có kinh nghiệm cấp cứu hồi sinh tim phổi thực tế là 170 sinh viên (chiếm 75,2%).

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Thông tin	Thành phần	Tần số (N)	Tỷ lệ (%)
Năm học	Năm 2	93	41,2
	Năm 3	62	27,4
	Năm 4	71	31,4
Giới tính	Nam	23	10,2
	Nữ	203	89,8
Chuyên ngành	ĐD ĐK	109	48,2
	ĐD GMHS	42	18,6
	ĐD HS	29	12,8
	ĐD PHCN	27	11,9
	ĐD CCNBV	19	8,4
Học lực của học kỳ vừa qua	Giỏi	41	18,1
	Khá	180	79,6
	Trung bình	5	2,2
	Yếu	0	0
Kinh nghiệm cấp cứu hồi sinh tim phổi thực tế	Có	56	24,8
	Không	170	75,2

3.2. Đánh giá kiến thức hồi sinh tim phổi. Theo kết quả, có 62 sinh viên không đạt chiếm tỉ lệ 27,6%.

Bảng 2. Kết quả khảo sát kiến thức hồi sinh tim phổi cơ bản

Kết quả	Tần số (N)	Tỷ lệ (%)
Chưa tốt	62	27,4
Tốt	164	72,6

3.3. Đánh giá thực hành hồi sức tim phổi trên mô hình. Kết quả có 77 sinh viên không đạt chiếm tỉ lệ 34,1.

Bảng 4. Kết quả đánh giá thực hành hồi sinh tim phổi cơ bản

Kết quả	Tần số (N)	Tỷ lệ (%)
Chưa tốt	77	34,1
Tốt	149	65,9

3.4. Môi liên quan giữa kiến thức và thực hành cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối tương quan thuận giữa kiến thức và thực hành cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản của sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Bảng 5. Môi liên quan giữa kiến thức và thực hành cấp cứu hồi sinh tim phổi

		Kiến thức		p
		Tốt (N,%)	Chưa tốt (N, %)	
Thực hành	Tốt (N, %)	109 (73,2)	40 (26,8)	0,783
	Chưa tốt (N, %)	55 (71,4)	22 (28,6)	

Kết quả nghiên cứu cho thấy không có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản của sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức về cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản của sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Qua số liệu cho thấy, tỉ lệ sinh viên có kiến thức tốt là 72,6%. Thông qua nghiên cứu này, tỉ lệ sinh viên có kiến thức tốt tương đồng với nghiên cứu "Đánh giá thực trạng cấp cứu hồi sinh tim phổi của điều dưỡng tại bệnh viện Bông quốc gia Lê Hữu Trác" của tác giả Đào Thị Thanh Tuyền trên điều dưỡng tại bệnh viện là thấy có 83,33% là có kiến thức đạt về cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản.³

4.2. Thực hành về cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản của sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Trong nghiên cứu này, kết quả thực hành tốt là 65,9%. Kết quả nghiên cứu này có sự tương đồng với kết quả từ nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thu Hiền (2022) về "Kiến thức và thực hành cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản của điều dưỡng tại bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec times city năm 2022" có tỉ lệ 63,9% thực hành đạt.⁵

4.3. Môi liên quan giữa kiến thức và

thực hành cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản của sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Trong nghiên cứu này, tìm mối liên quan giữa kiến thức và thực hành cấp cứu hồi sinh tim

phổi cơ bản của sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch bằng phép kiểm định Chi - square. Kết quả cho thấy không có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản ở sinh viên.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trong 226 sinh viên Điều dưỡng được khảo sát lý thuyết, có 62 sinh viên không tốt (chiếm 27,4%); 164 điều dưỡng tốt, chiếm 72,6%. Về thực hành tốt là 149 sinh viên (chiếm 65,9%). Sinh viên có kết quả thực hành chưa tốt là 77 sinh viên (chiếm 34,1%).

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch và khoa ĐD – KTYH cần duy trì và phát triển kiến thức, thực hành cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản ở sinh viên Cử nhân Điều dưỡng nói riêng và sinh viên trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc

Thạch nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y tế.** Sơ cứu cấp cứu Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới Nhà xuất bản Y học; 2020:169-189.
2. **Cummins RO, Eisenberg MS, Hallstrom AP, Litwin PE.** Survival of out-of-hospital cardiac arrest with early initiation of cardiopulmonary resuscitation. Am J Emerg Med, Mar 1985;3(2): 114-9. doi:10.1016/0735-6757(85) 90032-4
3. **Đào Thị Thanh Tuyền, Hoàng Hữu Uyên, Nguyễn Văn Đại.** Đánh giá thực trạng cấp cứu hồi sinh tim phổi của điều dưỡng tại Bệnh viện Bông quốc gia Lê Hữu Trác. Tạp chí Y học Thâm hoà và Bông, 2023;(3):66-78.
4. **Association AH.** Những điểm nổi bật trong Hướng dẫn của American Heart Association cho Hồi sinh tim phổi (CPR) và Chăm sóc tim mạch khẩn cấp (ECC) năm 2020. eccguidelines. heart.org.
5. **Nguyễn Thị Thu Hiền.** Kiến thức và thực hành cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản của điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec Times City năm 2022. Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Điều dưỡng, Trường Đại học Thăng Long. 2023. <https://thuvienso.thanglong.edu.vn/handle/TLU/7573>

ERAS QUẢN LÝ THIẾU MÁU: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG THIẾU MÁU TRƯỚC PHẪU THUẬT Ở NGƯỜI BỆNH UNG THƯ ĐƯỜNG TIÊU HÓA

Nguyễn Huyền Thoại¹, Trần Văn Bội¹, Nguyễn Thị Thanh²

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Quản lý thiếu máu trong chương trình hồi phục sớm sau phẫu thuật (ERAS) là vấn đề cấp thiết và quan trọng ở người bệnh tham gia phẫu thuật. **Mục tiêu:** Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng thiếu máu trước phẫu thuật ở người bệnh ung thư đường tiêu hóa. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** nghiên cứu cắt ngang, tiến cứu. Chúng tôi tiến hành phân tích 110 người bệnh ung thư đường tiêu hóa (bao gồm ung thư thực quản, ung thư dạ dày, ung thư đại tràng, ung thư trực tràng) có chỉ định phẫu thuật chương trình từ tháng 12 năm 2022 đến tháng 5 năm 2023 tại Bệnh viện Nhân dân Gia Định. Thiếu máu trước phẫu thuật được định nghĩa là nồng độ Hemoglobin (Hb) đầu tiên lúc người bệnh nhập viện dưới 12 g/dl với nữ, dưới 13 g/dl với nam. **Kết quả:** Thiếu máu chủ yếu người lớn tuổi (≥ 60 tuổi) là 64% và nam giới 56% so với nữ giới. Thiếu máu trước phẫu thuật liên quan đến tình trạng thể

chất ASA III (OR = 3,5; 95% CI: 1,40 – 8,74; p = 0,007); có liên quan giữa thiếu máu với nồng độ albumin giảm trước phẫu thuật (OR = 0,89; 95% CI: 0,81 – 0,97; p = 0,007); Giai đoạn ung thư TNM giai đoạn IV cũng là yếu tố liên quan đến thiếu máu trước phẫu thuật (OR = 20,8, 95% CI: 2,04 – 211,79; p = 0,01). **Kết luận:** Theo chương trình nâng cao hồi phục sau phẫu thuật (ERAS) cần xác định sớm tình trạng thiếu máu và can thiệp những yếu tố liên quan là việc cần thiết trong quản lý thiếu máu nhóm người bệnh ung thư trước phẫu thuật nhằm tối ưu hóa mức Hb phù hợp trong thời gian cho phép cải thiện kết cục cho người bệnh. **Từ khóa:** Thiếu máu trước mổ, ung thư đường tiêu hóa, ERAS.

SUMMARY

ERAS MANAGEMENT ANEMIA: FACTORS AFFECTING PREOPERATIVE ANEMIA IN GASTROINTESTINAL CANCER PATIENTS

Background: Anemia management in the Enhanced Early Recovery After Surgery (ERAS) is an urgent and important issue in surgical patients. **Objective:** Determine factors affecting preoperative anemia in gastrointestinal cancer patients. **Patients and methods:** Prospective, cross-sectional study. We analyzed 110 patients with gastrointestinal cancer (including esophageal cancer, gastric cancer, colon cancer, rectal cancer) who were indications for

¹Trường Y Dược - Trường Đại học Trà Vinh

²Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Huyền Thoại

Email: nhthoai@tvu.edu.vn

Ngày nhận bài: 6.3.2025

Ngày phản biện khoa học: 15.4.2025

Ngày duyệt bài: 9.5.2025